TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 36/2024/DS.ST
Ngày: 08 - 5 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thư

2. Ông Trương Văn Ánh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định

- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Địa diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2017/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị Kim H,** sinh năm 1975 (có mặt); Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Phạm Hoài Duy T** – Văn phòng L5 – Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*:

1/ Bà **Trần Thị Kim D**, sinh năm 1950 (có mặt); Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1966 (vắng mặt); Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1948 (vắng mặt)

4/ Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1948 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Ông **Trần Văn D1**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

6/ Bà **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Bà **Huỳnh Thị D2**, sinh năm 1951 (có mặt) ; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Bà **Phan Thị H1**, sinh năm 1964 (có mặt); Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Ông **Nguyễn Văn Đ2**, sinh năm 1970 (vắng mặt); Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

10/ **Trường tiểu học T22** (hiện nay là **Trường tiểu học T22**); Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Kim O – Chức vu: Hiệu trưởng (đề nghị vắng mặt).

11/ Ông **Đồng Hữu T2**, sinh năm 1951 (có mặt)

12/ Ông **Đồng Hữu N**, sinh năm 1974 (có mặt)

13/ Bà **Đồng Thị N1**, sinh năm 1950 (có mặt)

14/ Ông **Đồng Ngọc H2**, sinh năm 1974 (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đồng Thị Út H3**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Ông **Đồng Văn T3**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

3. Bà **Đồng Ngọc N2**, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà **Phan Thị H4**, sinh năm 1952 (vắng mặt)

5. Bà **Đồng Thị T4**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

6. Ông **Đồng Văn T5**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

7. Ông **Đồng Văn T6**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

8. Ông **Đồng Văn T7**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

9. Bà **Đồng Thị Á**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

10. Ông **Đồng Hữu H5**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

11. Ông **Đồng Văn H6**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

12. Bà **Đồng Thị H7**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

13. Bà **Đồng Lệ T8**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

14. Bà **Đồng Thị Tuyết M**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

15. Anh **Lê Văn T9**, sinh năm 1984 (con ông T1) (vắng mặt)

16. Chị **Võ Thị D3**, sinh năm 1989 (đề nghị vắng mặt)

17. Anh **Trần Thanh T10**, sinh năm 1984 (có mặt)

18. **Trần Phúc T11**, sinh năm 2009 (đề nghị vắng mặt)

19. **Trần Yến V**, sinh năm 2013 (đề nghị vắng mặt)

20. **Trần Hoàng T12**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

21. **Trần Khai T13**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

22. Chị **Phan Thị Kim H8**, sinh năm 1956 (đề nghị vắng mặt)

23. Anh **Đồng Văn Hôn E**, sinh năm 1987 (đề nghị vắng mặt)

24. Chị **Nguyễn Thị T14**, sinh năm 1985 (đề nghị vắng mặt)

25. Ông **Bùi Văn Đ3** (chồng bà Đồng Thị N1) (đề nghị vắng mặt)

26. Ông **Võ Văn Bé H9**, sinh năm 1965 (đề nghị vắng mặt).

27. Chị **Phùng Mỹ H10**, sinh năm 1974 (đề nghị vắng mặt).

28. Bà **Phan Thị S1**, sinh năm: 1964 (có mặt).

29. **Lê Văn Tú E1** (vắng mặt)

30. **Lê Văn T15** (vắng mặt)

31. Anh **Phạm Quốc L**, sinh năm 1988 (đề nghị vắng mặt).

32. Chị **Lê Thị Bé T16** (vắng mặt)

33. **Lê Đồng Tiến L1** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

34. Ông **Trần Văn T17**, sinh năm 1956 (vắng mặt);

35. Ông **Cao Văn Đ4**, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ I, ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn T17, ông Cao Văn Đ4: Chị **Cao Thị Kim H**, sinh năm 1975 (có mặt); Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long *(theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/10/2021).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/3/2018, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 27/9/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Kim H trình bày:*

Chị nhận thừa kế quyền sử dụng đất do mẹ chị là cụ Nguyễn Thị S2 đứng tên, *(cụ S2 đã chết năm 2014)* thuộc thửa 1027 diện tích 260m^2 loại đất thổ quả; thửa 1032 diện tích 1.120m^2 loại đất cây ăn quả; thửa 1033 diện tích 1.450m^2, loại đất nghĩa địa, cùng tờ bản đồ số 004B; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Chị đã đứng tên chỉnh lý biến động trên mặt bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng. Khi thực hiện đạc theo bản đồ địa chính chính quy (gọi tắt là V1) thì cụ S2 còn sống; thửa 1027, 1032 và thửa 1033 hiện theo BĐĐCCQ đổi thành những thửa đất nào chị không rõ, các thửa đất của ông Cao Văn Đ4 (anh ruột chị) và Trần Văn T17 (anh rễ chị) kê khai chưa được cấp quyền sử dụng, nhưng thực tế hiện nay vẫn do chị sử dụng; do anh Đ4, anh T17 không có mặt ở địa phương. Trong quá trình sử dụng do các bị đơn đã lấn chiếm nên khởi kiện yêu cầu các bị đơn di dời tài sản trả lại quyền sử đất đã lấn chiếm. Chị thống nhất theo kết quả đo đạc đã chỉ ranh trên thực tế *(Sơ đồ vị trí thửa đất phục công tác xét xử của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V đã cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Bình Tân)*; cụ thể yêu cầu:

1/ Buộc bà Trần Thị Kim D hoàn trả:

+ Diện tích 164,2m^2 gồm các mốc: (49, 50, 51, 52, T, 53,Q, 105, 104, P, 110, 49), thửa 1030 trên phần đất tranh chấp có 102,0m^2 đường đá hiện trạng (do bà D lấy đất của chị làm đường đá và làm rào bê tông cốt thép).

+ Diện tích 4,3m^2 gồm các mốc: (104, 103, 106, O, 104) thửa 41 – 1, diện tích 2,4m^2 và 42 – 5 diện tích 1,9m^2.

+ Diện tích 42,6m^2 gồm các mốc: (103, 102, N, 108, 107, 106, 103), thuộc chiết thửa 41 – 5, diện tích 25,4m^2 và 37 – 2, diện tích 17.2m^2.

+ Diện tích 34,1m^2 gồm các mốc: (102, 101, 100, M, 109, 108, N, 102) thuộc chiết thửa 37 – 2, diện tích 14,2m^2 và 41 – 6, diện tích 19,9m^2.

+ Diện tích 19,1m^2 gồm các mốc: (100, 99, 98, 109, M, 100) thuộc chiết thửa 41 – 1, diện tích 5,5m^2 và 37 – 4 diện tích 13,6m^2.

+ Diện tích 139,8m^2 gồm các mốc (93, 38, 97, 96, 95, 94, 93) thuộc chiết thửa 37 – 6.

2/ Buộc bà Lê Thị Đ, ông Phạm Văn S hoàn trả: Diện tích 87,0m^2 gồm các mốc: (78, 88, 87, 86, U, 85, 84, X, 83, 82, 79, 78) trên phần đất tranh chấp có một phần nhà gạch của bị đơn bà Lê Thị Đ và ông Phạm Văn S đang quản lý sử dụng, thuộc chiết thửa 36 – 2, diện tích 2,2m^2 + 36 – 3 diện tích 3,3m^2 + 35 – 2 diện tích 81,6m^2.

3/ Buộc ông Lê Văn T1 trả lại: Diện tích 154,1m^2 gồm các mốc: (80, 79, 82, 81, 80) trên phần đất tranh chấp có căn nhà tạm và một phần nhà gạch của gia đình ông Lê Văn T1 đang quản lý sử dụng thuộc chiết thửa 34 – 2.

4/ Buộc vợ chồng ông Trần Văn D1, bà Nguyễn Thị Đ1 hoàn trả: Diện tích 96,1m^2 gồm các mốc: (78, 77, A', 76, 89, 88, 78) trên phần đất tranh chấp có một phần nhà tạm của ông Lê Văn T9 đang quản lý sử dụng, thuộc chiết thửa 33-2. Hiện nay vợ chồng ông D1, bà Đ1 và con là T9 đi làm xa không có mặt ở địa phương.

5/ Buộc bà Huỳnh Thị D2 hoàn trả: Diện tích 446,9m^2 gồm các mốc: (64, 63, 62, H, 93, 92, 91, 90, L, 89, 76, 73, 64), trên phần đất tranh chấp có một phần nhà gạch của gia đình bị đơn bà Huỳnh Thị D4 đang quản lý sử dụng, thuộc chiết thửa 32-2 diện tích 401,9m^2 + 29 – 2 diện tích 4,3m^2 + 37 – 5 diện tích 40,7m^2.

6/ *Buộc bà Phan Thị H1 hoàn trả:* Diện tích 68,7m^2 thuộc thửa 28-2 gồm các mốc: (64, 65, 60, 61, 62, 63, 64).

7/ *Buộc những người sử dụng đất gồm ông Đồng Ngọc H2, Đồng Thị N1, Đồng Hữu T2, Đồng Hữu N hoàn trả:* Diện tích 499,6m^2 gồm các mốc: (65, D, 69, 70, 71, 72, 57, 58, C, 59, G, 60, 65) trên phần đất tranh chấp có một phần nhà gạch của bà Đồng Thị N1, một phần nhà gạch của ông Đồng Hữu N và một phần nhà tạm của ông Đồng Văn H11 Em đang ở, thuộc chiết thửa 27 – 2 diện tích 207,9m^2 + 23 – 2 diện tích 33,1m^2 + 19 – 2 diện tích 101,8m^2 + 29 – 3 diện tích 156,8m^2.

8/ *Buộc ông Nguyễn Văn Đ2 và Trường tiểu học T22 hoàn trả:* Diện tích 42,4m^2 gồm các mốc: (1, 2, 56, 55, 54, 1), thuộc thửa 48 -1 (1030 – 2), phần đất của Trường tiểu học T22 (hiện nay là Trường tiểu học T22) kê khai đăng ký theo tư liệu BĐĐCCQ. Các phần đất cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Tại Tờ khai ngày 29/8/2018, bị đơn bà Trần Thị Kim D trình bày:* Bà có thửa đất số 37, tờ bản đồ số 5, diện tích là 2.902,8m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do cha của bà để lại, bà có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chị H1 thưa (khởi kiện) tranh chấp ranh với bà. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết theo quyền sử dụng đất của bà đúng và đủ.

- *Tại bản khai ngày 04/9/2018, biên bản hòa giải ngày 06/4/2018, ngày 20/02/2024, bị đơn bà Huỳnh Thị D4 trình bày*: Vào năm 1996, bà mua miếng đất vườn (nhận chuyển nhượng) diện tích khoảng 400m^2 nằm trong thửa đất C341 + C5350, tờ bản đồ số 4, diện tích khoảng 1.200m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị S2 đứng tên quyền sử dụng với giá 4.000.000đ, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn E2 *(là cháu của bà S2; có lập giấy viết tay việc chuyển nhượng, lâu quá bà không nhớ thời gian, cụ S2 có ký tên)* phần đất bà mua gắn liền (giáp) với thửa đất và nhà ở của bà. Khi chuyển nhượng thì không đo đạc thực tế nhưng bà đã làm hàng rào lưới B40 sử dụng gần 30 năm, có làm mộ của

chồng bà trên đất. Thực hiện chương trình V1, bà đã chỉ ranh hết phần đất cũ của gia đình tại thửa 343 diện tích 380m^2, đất thổ quả và phần đất nhận chuyển nhượng từ cụ S2 thành thửa đất số 32, tờ bản đồ số 5, diện tích 638,6m^2, loại đất ONT –LNQ, do bà đăng ký kê khai quyền sử dụng. Phần đất theo yêu cầu khởi kiện của bà Kim H thì gia đình bà đã cất nhà kiên cố trên 45 năm *(sau khi ông Trần Văn B chồng của bà mất, bà nhận thừa kế vào năm 2005)*.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Kim H về việc yêu cầu bà trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm trên diện tích 400m^2 (ngang 20m x dài 20m), thuộc thửa 1032, diện tích chung bằng 1.120m^2 thì bà không đồng ý vì không lấn chiếm đất của cụ S2 (hiện nay là bà Kim H đứng tên). Hiện nay căn nhà của bà chỉ có bà và con là Trần Thanh T10, con anh T10 là Trần Phúc T11 và Trần Yến V đang sử dụng.

** Tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2018, ngày 20/02/2024, bị đơn bà Phan Thị H1 trình bày*: Phần đất cất mồ mã của ông bà chị hiện nay mà khi đo đạc bà Kim H chỉ ranh cho rằng thuộc quyền sử dụng của bà Kim H thì có chôn cất ông bà, cha mẹ của bà đã có từ lâu. Chị có nghe nói lại, bà nội bà là cụ Phan Thị M1 có hỏi ý kiến của cụ S2 (mẹ bà Kim H), cụ S2 đồng ý. Khi đo đạc V1 thì cụ S2 còn sống, ai chỉ ranh khi đo đạc V1 thì bà không biết vì lúc đó đất là do cụ M1 và cụ S2 sử dụng. Cụ M1 đã chết, cụ M1 có các con là Đồng Văn L2 (ông L2 chết có con là Đồng Hữu T18, Đồng Văn H6, Đồng Thị H7, Đồng Lệ T8, Đồng Thị Tuyết M, Đồng Ngọc L3), Đồng Văn M2 (cha của chị), Đồng Thị T19, Đồng Thị N3 (hiện đã chết).

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Kim H, bà không lấn chiếm sang đất của bà Kim H nên không đồng ý. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ M1 còn đứng tên thuộc thửa 314 diện tích 770m^2 do tranh chấp ranh nên gia đình bà và các bác (và con của các bác), các cô chưa thực hiện thủ tục cấp đổi quyền sử dụng được *(hiện nay thì ông Đồng Hữu T18, Đồng Ngọc L3 và cha chị là Đồng Văn M2 đã chết)*; về phần di sản của cụ M1 thuộc thửa 314 thì hiện tại tạm giao lại bà sử dụng, trong nội bộ dòng họ sẽ tự thỏa thuận khi thực hiện thủ tục hành chính để cấp đổi quyền sử dụng đất, hiện không tranh chấp về thừa kế.

** Tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2018, bị đơn ông Đồng Hữu N trình bày*: Ông là con cụ Đồng Hữu H12, Thiều Thị T20, cha mẹ ông đã chết, cụ T20, cụ H12 có tất cả là 08 người con là ông (Đ), Đồng Hữu T2, Đồng Ngọc H2, Đồng Thị N1, Đồng Thị Út H3, Đồng Văn T3, Đồng Ngọc N2, Đồng Văn B1 (*ông B1 chết có vợ là bà Phan Thị H4, các con là Đồng Thị T4, Đồng Văn T5, Đồng Văn T6, Đồng Văn T7, Đồng Thị Á, Đồng Hữu H5)*. Phần đất mà ông, ông H2, bà N1 cất nhà hiện nay cụ T20 còn đứng tên, sau khi cụ T20 mất thì các anh em về cất nhà trên đất. Khi ông cất nhà vào năm 2013 là đúng ranh đất vì đất cụ T20 giáp đất bà H đã có trụ đá, một

bên cao một bên thấp (giữa cái bờ và cái mương), việc bà Kim H cho rằng ông lấn chiếm ông không đồng ý.

** Tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2018, ngày 20/02/2024, bị đơn bà Đồng Thị N1 trình bày*: Phần đất gia đình bà sử dụng do cha mẹ để lại (cụ Đồng Hữu H12 và Thiều Thị T20) thuộc thửa 340 diện tích 3.320m^2 do cụ T20 đứng tên; sau khi mẹ mất (không nhớ năm) các anh em bà đã cất nhà sử dụng cho đến nay. Bà cất nhà năm 2011; phần đất của bà, của Đồng Hữu T2, Đồng Ngọc H2, Đồng Hữu N khi đo đạc V1ap thì các phần đất anh em bà sử dụng chưa chỉ riêng thành từng thửa đất mới, vẫn còn chung một thửa đất do cụ T20 đứng tên, thửa đất mới bà không rõ là thửa số mấy. Qua yêu cầu khởi kiện của bà Kim H bà không đồng ý vì các anh em bà không sử dụng sang đất bà Kim H; phần đất bà Kim H là đất trũng thấp ngập nước, đất của cụ T20 ở vị trí cao hơn hiện đã cất nhà và trồng các cây ăn trái (giáp ranh) đất bà Kim H; nhà bà cất còn cách vài tất mới tới ranh đất của bà Kim H.

** Tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2018, ngày 20/02/2024, bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày*: Vào ngày 29/12/2000, bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị S2 (theo giấy tay) diện tích 3,5m x 2,3m (phần cặp căn nhà chính của bà hiện nay), với giá 2.000.000đ, đã trả tiền xong, bà đã được cấp quyền sử dụng đất. Qua yêu cầu của bà Kim H bà không đồng ý vì toàn bộ diện tích căn nhà của bà đang ở là 70m^2 nhưng yêu cầu bà trả diện tích 105m^2 là vô lý, trên thửa đất của bà thì bà cho vợ chồng em bà con chú bác ruột với bà là Lê Văn T1 và Phan Thị S1 cất nhà, do còn tranh chấp ranh nên chưa tách bộ sang tên.

** Tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2018, bị đơn ông Lê Văn T1 trình bày:* Theo yêu cầu của bà Kim H thì trước đây mẹ ông khi cất nhà (hiện ông đang ở), làm mồ mã thì có hỏi ý kiến của cha mẹ bà Kim H (vì chỗ bà con với nhau) nhà cất khoảng 31 năm. Ngoài nhà chính thì hiện nay ông có cất thêm ngang khoảng 03m dài khoảng 10m sang bên phần đất của bà Kim H, trên đất có mồ mã của ông bà bên bên ông, khi chôn cất thì cha mẹ bà Kim H không tranh chấp. Qua yêu cầu của bà Kim H thì phần cái ao ông không sử dụng nên đồng ý trả lại *(cái ao thì trước đây ông nội ông và ông ngoại bà Kim H sử dụng, ông nội xin nuôi cá đến nay)*, phần nhà cất thêm và nền mồ mã của ông bà đề nghị Tòa án xem xét.

** Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạn Thị S3 (vợ ông Lê Văn T1) trình bày:* Phần đất mà vợ chồng bà và các con đang sử dụng thì trước đây do bà Lê Thị Đ đứng tên quyền sử dụng; do bà con nên đã thỏa thuận tách bộ cho bà một phần để sử dụng theo chỉ ranh của bà khi đo đạc thực tế; do bà Kim H phát sinh tranh chấp ranh nên đến nay chưa tách bộ cho vợ chồng bà đứng tên riêng. Ngoài khuôn viên nhà và công trình phụ *(phần diện tích nhà cất thêm thì mẹ chồng bà có hỏi ý kiến của cụ S2 khi cụ S2 còn sống)* thì phần

còn lại phía ngoài là phần ao thuộc đất của bà Kim H, thực tế hiện nay mương lạng gia đình bà không sử dụng phần ao này. Đề nghị Tòa án xem xét theo quy định, khi đo đạc V1 thì cụ S2 còn sống, bà và cụ S2 cùng chỉ ranh trên thực tế.

** Tại văn bản số 201/TTr-TLA ngày 30/12/2023, bị đơn Trường tiểu học T22 (hiện nay là Trường tiểu học T22) do bà Lê Thị Kim O1 là người đại diện theo pháp luật trình bày:* Tại Tờ trình số 12/TT-TTr ngày 12/9/2001 "Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1937, cư trú tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long" của Chánh Thanh tra huyện B; Quyết định số 878/QĐ-CT.UB ngày 28/11/2001 về "Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị S2 cư ngụ tổ A, ấp T, xã T, huyện B"; Quyết định số 337/UBND ngày 10/02/2003, "Quyết định của UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S2 cư trú tổ A, ấp T, xã T, huyện B". Biên bản về việc xác định cọc mốc ranh giới trường ngày 23/7/2004 của Trường tiểu học T22 có xác nhận của Đại diện ấp T, UBND xã Thành Lợi, Phòng giáo dục huyện B, Hiệu trưởng trường Tiểu họT22. Khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết thì Trường tiểu học T22 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim H, đại diện nhà trường xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Tại bản khai ý kiến ngày 04/01/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị D3 trình bày: Liên quan đến nội dung theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Kim H về yêu cầu tranh chấp ranh đất với cha chồng chị là ông Lê Văn T1 mà Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đang thụ lý giải quyết, mọi việc tranh chấp ranh đất do cha chồng chị quyết định, chị không có yêu cầu gì và thống nhất ý kiến trình bày của cha chồng chị (ông Lê Văn T1). Do bận công việc nhà nên xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án.

- Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Bé H9 trình bày: Liên quan đến nội dung theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Kim H về yêu cầu tranh chấp ranh đất với vợ ông là Phan Thị H1 mà Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đang thụ lý giải quyết, mọi việc tranh chấp ranh đất do vợ ông trình bày, quyết định. Ông không có yêu cầu gì và thống nhất ý kiến trình bày của bà Phan Thị H1. Do bận công việc nhà nên ông xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án.

- Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đồng Văn Hôn E và chị Nguyễn Thị T14 trình bày: Liên quan đến nội dung theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Kim H về yêu cầu tranh chấp ranh đất với các bác, các cô của anh chị là Đồng Ngọc H2, Đồng Thị N1, Đồng Hữu T2, Đồng Hữu N mà Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đang thụ lý giải quyết. Khi chỉ ranh bà

H có chỉ vào một phần căn nhà của vợ chồng anh chị đang sử dụng trên đất. Việc bà Kim H chỉ ranh là không đúng vì quá trình sử dụng đất của chúng tôi đã sử dụng là đúng ranh đất do ông bà để lại, không lấn chiếm sang đất của bà Kim H. Anh chị không đồng ý theo yêu cầu của bà Kim H. Do bận công việc nhà nên anh ch ị xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án.

- *Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ3 trình bày:* Liên quan đến nội dung theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Kim H về yêu cầu tranh chấp ranh đất với vợ ông là Đồng Thị N1 mà Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đang thụ lý giải quyết. Mọi việc tranh chấp ranh đất do bà N1 trình bày, quyết định. Ông không có yêu cầu gì và thống nhất ý kiến trình bày của bà N1. Do bận công việc nhà nên ông xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án.

- *Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phùng Mỹ H10 trình bày:* Liên quan đến nội dung theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Kim H về yêu cầu tranh chấp ranh đất với chồng bà là Đồng Ngọc H2 mà Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đang thụ lý giải quyết. Mọi việc tranh chấp ranh đất do ông H2 trình bày, quyết định. Bà không có yêu cầu gì và thống nhất ý kiến trình bày của ông Đồng Ngọc H2. Do bận công việc nhà nên bà xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án.

- *Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim H13 trình bày:* Liên quan đến nội dung theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Kim H về yêu cầu tranh chấp ranh đất với chồng bà là Đồng Hữu T2 mà Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đang thụ lý giải quyết. Mọi việc tranh chấp ranh đất do ông T2 trình bày, quyết định. Bà không có yêu cầu gì và thống nhất ý kiến trình bày của ông Đồng Hữu T2. Do bận công việc nhà nên bà xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án.

- *Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Quốc L4 trình bày:* Liên quan đến nội dung theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Kim H về yêu cầu tranh chấp ranh đất với cha anh là Phạm Văn S mà Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đang thụ lý giải quyết. Mọi việc tranh chấp ranh đất do cha anh trình bày, quyết định. Annh không có yêu cầu gì và thống nhất ý kiến trình bày của ông S. Do bận công việc nhà nên anh xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án.

- *Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh T10, Trần Phúc T11 và Trần Yến V trình bày:* Liên quan đến nội dung theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị Kim H về yêu cầu tranh chấp ranh đất với bà D4 (mẹ của Trần Thanh T10), bà nội Trần Phúc T11, Trần Yến V mà Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đang thụ lý giải quyết. Mọi việc tranh chấp ranh đất bà Huỳnh Thị D4 quyết định. Chúng tôi không có yêu cầu gì và thống nhất ý kiến trình bày của bà D4. Do bận công việc nhà nên chúng tôi xin được vắng mặt khi Tòa án nhân dân huyện Bình Tân và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu các bị đơn giao trả phần đất tranh chấp theo kết qủa đã được đo đạc thực tế. Chị xác định các bị đơn đã hành vi lấn chiếm đất từ năm 1998-1999, lúc này cụ S2 có biết nhưng chưa yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Khi vợ chồng bà Đ, ông S cất nhà lấn chiếm, cụ S2 có yêu cầu trả tiền về việc lấn chiếm, bà Đ có đến mua (nhận chuyển nhượng) lại nhưng cụ S2 chỉ bán (chuyển nhượng) ngang 3,5m dài 2,3m với giá 2.000.000đ theo Giấy tay ngày 29/12/2000, hiện bà Đ sử dụng lớn hơn diện tích nhận chuyển nhượng. Chị Phan Thị H1 không hỏi ý kiến cụ S2 khi làm lại nhà mồ và hàng rào. Gia đình ông T1 cũng không hỏi ý kiến gia đình chị khi cất nhà. Bà D thì dựng hàng hàng lấn chiếm sang đất của gia chị.

- Những người có mặt tại phiên tòa là bà Trần Thị Kim D, bà Huỳnh Thị D4, ông Phạm Văn S, bà Phan Thị S1, bà Đồng Thị N1, ông Đồng Hữu N vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không đồng ý theo yêu cầu của bà Kim H.

- Bà Phan Thị H1 xác định: Khi cụ M1 và gia đình lập nhà mồ và lập các ngôi mộ thì xây dựng trên phần đất của cụ M1, không xây dựng sang phần đất bà D4 nhận chuyển nhượng từ cụ S2.

- Ông Đồng Ngọc H2, ông Đồng Hữu T2 thống nhất ý kiến của bà Đồng Thị N1, không đồng ý theo yêu cầu của bà Kim H.

- Anh Trần Thanh T10 thống nhất ý kiến của bà Phan Thị D5.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến tại phiên toà hôm nay thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng của các đương sự thì nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bà D, bà D5, ông H2, ông T2, ông Đ2 vắng mặt tại buổi hòa giải và công khai chứng cứ ngày 06/4/2018. Bà D, ông T1, ông S, ông D1, bà Đ1, ông Đ2, ông T2, ông N, ông H2 vắng mặt tại buổi hòa giải và công khai chứng cứ ngày 20/02/2024. Trường tiểu học T22 xin vắng. Những người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý chưa thực hiện dung theo quy định tố tụng theo Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự, không cung cấp bản khai và không tham dự các buổi hòa giải và công khai chứng cứ ngày 06/4/2018 và ngày 20/02/2024. Riêng anh T10, anh L4, chị D3, bà Kim H13, bà H10, ông Đ3, anh Hôn E, chị T14 và ông Bé H9 có đơn xin vắng mặt

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Kim H, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim H yêu cầu Trường tiểu học T22 và ông Nguyễn Văn Đ2 giao trả phần đất có diện tích 42,4m^2 thuộc thửa 48-1, công nhận cho Trường tiểu học T22 B phần đất có diện tích 42,4m^2 thuộc thửa 48-1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim H đối với bà Huỳnh Thị D4.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Kim H buộc bà D4 trả lại phần đất tách 32-2 diện tích 401,9m^2. Công nhận cho bà D4 phần đất tách 32-2 diện tích 401,9m^2.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Kim H buộc bà D4 trả lại phần đất thuộc tách 29-2 diện tích 4,3m^2. Công nhận cho bà Kim H phần thuộc đất tách 29-2 diện tích 4,3m^2.

- Đối với phần đất thuộc tách 37-5 diện tích 40,7m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị Kim D nhưng bà D chưa có ý kiến đối với phần đất tranh chấp này nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ tranh chấp.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Kim H buộc bà Phan Thị H1 trả lại phần đất tách 28-2 diện tích 68,7m^2. Giao cho bà Phan Thị H1 tiếp tục quản lí sử dụng phần đất tranh chấp thuộc tách 28-2 diện tích 68,7m^2. Đối với thửa đất số 341 do cụ Phan Thị M1 đứng tên nhưng chưa chia thừa kế, các thừa kế của cụ M1 trong vụ tranh chấp này không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Kim H buộc ông Trần Văn D1, bà Nguyễn Thị Đ1 trả lại phần đất thuộc tách 33-2 diện tích 96,1m^2. Công nhận phần đất thuộc tách 33-2 diện tích 96,1m^2 cho ông D1, bà Đ1 được quyền quản lí, sử dụng.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Kim H đối với bà Lê Thị Đ, ông Phạm Văn S.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Kim H buộc bà Đ, ông S trả lại phần đất cho bà Kim H thuộc tách 36-3 diện tích 3,2m^2 và 36-2 diện tích 2,2m^2 nhưng do trên đất có công trình của ông S bà Đ nên công nhận phần đất thuộc tách 36-3 diện tích 3,2m^2 và 36-2 diện tích 2,2m^2 cho ông S bà Đ được quyền sử dụng; buộc bà Đ, ông S hoàn trả trị giá đất cho bà Kim H bằng 745.200đ.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Kim H buộc bà Lê Thị Đ, ông Phạm Văn S trả lại phần đất thuộc tách 35-2 diện tích 81,6m^2. Công nhận cho ông S bà Đ được sử dụng phần đất thuộc tách 35-2 diện tích 81,6m^2.

6. Không chấp nhận yêu cầu của bà Kim H về việc buộc ông Lê Văn T1 trả lại phần đất thuộc tách 34-2 diện tích 154,1m^2. Công nhận cho ông T1 được sử dụng phần đất thuộc tách 34-2 diện tích 154,1m^2.

7. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim H đối với ông Đồng Ngọc H2, ông Đồng Hữu N, ông Đồng Hữu T2 và bà Đồng Thị N1:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim H buộc ông Đồng Ngọc H2, ông Đồng Hữu N, ông Đồng Hữu T2 và bà Đồng Thị N1 trả lại phần đất tranh chấp thuộc tách 29-3 diện tích 156,9m^2. Công nhận cho bà Kim H phần đất tách 29-3 diện tích 156,9m^2.

- Không chấp yêu cầu khởi kiện của bà Kim H về việc buộc ông Đồng Ngọc H2, ông Đồng Hữu N, ông Đồng Hữu T2 và bà Đồng Thị N1 trả lại phần đất tranh chấp thuộc tách 27-2 diện tích 207,9m^2, tách 19-2 tdiện tích 101,8m^2 và tách 23-3 diện tích 33,1m^2. Giao cho ông N, H2, T2 và bà N1 quản lý sử dụng phần tách 27-2 diện tích 207,9m^2, tách 19-2 diện tích 101,8m^2 và tách 23-3 diện tích 33,1 m^2 (phần đất cụ T20 đứng tên).

8. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim H về việc buộc bà Trần Thị Kim D trả lại các phần đất sau:

- Phần đất có diện tích 164,2m^2 trong đó có 120,9m^2 thuộc tách 49-2 của bà Trần Thị Kim D, 37m^2 thuộc tách 47-2+ 48-2 của Trường Tiểu học T22 B và 6,3m^2 thuộc tách 42-4 của ông Trần Văn T17. Công nhận cho bà Trần Thị Kim D phần tách 49-2 diện tích 120,9m^2.

- Phần đất có diện tích 4,3m^2 trong đó có 1,9m^2 thuộc tách 42-5 do ông Trần Văn T17 quản lí sử dụng; phần tách 41-4 diện tích 2,4m^2 do ông Trần Văn T17 quản lý sử dụng nhưng bà D kê khai đăng ký (phần này bà D và ông T17 không tranh chấp nên không xem xét giải quyết).

- Phần đất tranh chấp có diện tích 42,6m^2 trong đó có tách 37-2 diện tích 17,2m^2 thuộc quyền sử dụng của bà D, công nhận cho bà D phần tách 37-2 diện tích 17,2m^2; tách 41-5 diện tích 25,4m^2 do ông Cao Văn Đ4 quản lý sử dụng nhưng bà D kê khai đăng ký (phần này bà D và ông Đ4 không tranh chấp nên không xem xét giải quyết).

- Phần đất tranh chấp có diện tích 34,1m^2 trong đó có 19,9m^2 thuộc tách 41-6 công nhận cho bà D, hiện bà Kim H đang quản lý nên buộc bà Kim H trả lại bà D

tách 41-6 diện tích 19,9m^2. Công nhận cho bà D phần diện tích 14,2m^2 thuộc tách 37-3.

- Phần đất tranh chấp có diện tích 19,1m^2 trong đó có 5,5m^2 thuộc tách 41-7; 13,6m^2 thuộc tách 37-4 thuộc quyền sử dụng của bà D nên công nhận cho bà D phần đất có diện tích 5,5m^2 thuộc tách 41-7 và diện tích 13,6m^2 thuộc tách 37-4.

Các đương sự có nghĩa vụ kê khai đăng ký phần đất được công nhận, riêng đối với phần đất của cụ Thiều Thị T20 tiếp tục giao cho ông H2, bà N1, ông T2, ông N quản lí sử dụng; phần đất của cụ Phan Thị M1 tiếp tục giao cho bà Phan Thị H1 quản lí sử dụng.

Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tổng số tiền 33.636.000đ. Buộc bà Đ và ông S chịu 3.363.000đ; bà D4 chịu 3.363.000đ; ông H2, ông N, bà N1, ông T2 chịu 3.363.000đ; bà H1 chịu 23.545.200đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà D4 nộp 300.000đ; ông S và bà Đ nộp 600.000đ; ông H2, ông N, ông T2, bà N1 nộp 300.000đ. Buộc bà H1 nộp 1.200.000đ được khấu trừ tiền tạm ứng *(lập luận và căn cứ pháp lý có văn bản gửi lưu hồ sơ vụ án).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét nguyên đơn chị Cao Thị Kim H yêu cầu các bị đơn bà Trần Thị Kim D, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị Đ, ông Phạm Văn S; ông Trần Văn D1, bà Nguyễn Thị Đ1; bà Huỳnh Thị D4, bà Phạm Thị H14, ông Nguyễn Văn Đ2 và Trường Tiểu học T22 (hiện nay là Trường Tiểu học T22) hoàn trả phần đất cho rằng bị lấn chiếm thuộc một phần thửa 1027; 1032 và 1033 do chị Kim H đứng tên quyền sử dụng (xác nhận biến động trên mặt bốn), đất tranh chấp thuộc huyện B, nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét các bị đơn ông Lê Văn T1, bà Lê Thị Đ, ông Trần Văn D1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Văn Đ2; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đồng Thị Út H3, ông Đồng Văn T3, bà Đồng Ngọc N2, bà Phan Thị H4, bà Đồng Thị T4, ông Đồng Văn T5, ông Đồng Văn T6, ông Đồng Văn T7, bà Đồng Thị Á, ông Đồng Hữu H5, ông Đồng Văn H6, bà Đồng Thị H7, bà Đồng Lệ T8, bà Đồng Thị Tuyết M, anh Lê Văn T9, Trần Hoàng T12, Trần Khai T13, anh Lê Văn Tú E1, anh Lê Văn T15, chị Lê Thi Bé T21, anh Lê Đồng Tiến L1 đã được triệp tập đến dự phiên tòa vào các ngày 19/3/2024, ngày 08/5/2024 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn là Trường Tiểu học T22, người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn Bé H9, anh Đồng Văn Hôn E, chị Nguyễn Thị T14, ông Bùi Văn Đ3, bà Phùng Mỹ H10, bà Phạm Thị Kim H13, chị Võ Thị D3, anh Phạm Quốc L, Trần Phúc T11, Trần Yến V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội xét xử vắng mặt những người này là đúng quy tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Xét phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của chị Kim H giáp thửa đất số 314 diện tích 770m^2, loại đất T + vườn do cụ Phan Thị M1 đứng tên (cụ M1 đã chết), hiện nay do bà Phan Thị H1 đang sử dụng; cụ M1 có các con là ông Đồng Văn L2 (*ông L2 chết, có con là Đồng Hữu T18, Đồng Văn H6, Đồng Thị H7, Đồng Lệ T8, Đồng Thị Tuyết M, Đồng Ngọc L3)*, Đồng Văn M2 (cha của bà Phan Thị H1), Đồng Thị T19, Đồng Thị N3 (đã chết), ông Đồng Hữu T18, Đồng Ngọc L3 cũng đã chết. Tòa án đã yêu cầu bà Phan Thị H1 cung cấp họ tên, năm sinh và địa chỉ hiện nay của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M2, ông T18 và bà L3 nhưng đến nay bà Phan Thị H1 vẫn chưa cung cấp nên Hội đồng xét xử không thể đưa thêm những người này tham gia tố tụng trong vụ án. Mặt khác, căn cứ phạm vi yêu cầu khởi kiện của chị Kim H về việc tranh chấp phần ranh đất với thửa đất số số 314 thì trong trường hợp những người thừa kế của cụ M1 có tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất thửa 314 thì được xem xét giải quyết bằng vụ việc khác (khi có yêu cầu).

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa chị Kim H và bà Trần Thị Kim D theo yêu cầu của chị Kim H có tổng diện tích bằng 404,1m^2 *(164,4m^2 + 4,3m^2 + 42,6m^2 +34,1m^2 + 19,1m^2 + 139,8m^2).* Căn cứ việc chỉ ranh trên thực tế, so sánh với giấy chứng nhận quyền sử dụng mà chị Kim H, bà D đã được cấp và thực hiện việc kê khai theo bản đồ địa chính chính quy (BĐĐCCQ - sau đây gọi tắt là V1), hiện trạng quản lý sử dụng đất của chị Kim H, bà D và những chủ sử dụng đất giáp cận, thể hiện: Trong 164,2m^2 có 120,9m^2 thuộc thửa 49-2 (trong đó có 59,7m^2 là đường đá hiện trạng); 139,8m^2 thuộc thửa 37-6; 17,2m^2 thuộc thửa 37-2; 14,2m^2 thuộc thửa 37-3 và 13,6m^2 thuộc thửa 37-4 bà D đã xây gạch, xây trụ làm hàng rào lưới B40, trồng cây ăn trái và hoa kiểng, bà D đã được cấp quyền sử dụng. Có 37,0m^2 thuộc thửa 47-2 + 48-2 của Trường tiểu học T22 (hiện nay là Trường tiểu học T22) kê khai đăng ký khi đo đạc Vlap *(trong đó có 36,0m^2 là đường đá hiện trạng)*. Phần diện tích còn lại có 6,3m^2 thuộc thửa 42- 4; 1,9m^2 thuộc thửa 42-5; 2,4m^2 thuộc thửa 41- 4 (của ông Trần Văn T17 là anh rể chị Kim H kê khai, sử dụng); 25,4m^2 thuộc thửa 41- 5 (của ông Cao Văn Đ4 là anh của Kim H kê khai, sử dụng) và 19,9m^2 thuộc thửa 41- 6 do chị Kim H sử dụng. Xét phần đất tranh chấp có diện tích 2,4m^2 thuộc thửa 41- 4, 5,5m^2 thuộc thửa 41- 7, 19,9m^2 thuộc thửa 41- 6

theo Vlap ghi nhận do bà D kê khai đăng ký thuộc thửa 41 nhưng chưa được cấp quyền sử dụng trong thửa 41 của bà D (bút lục 127, 432) nên việc chỉ ranh và kê khai của bà D đối với phần diện tích này là chưa phù hợp. Xét trên thực tế từ khi cụ S2 còn sống, cho đến nay đều do cụ S2 và chị Kim H trực tiếp quản lý sử dụng; do ông Đ4, ông T17 giao lại chị Kim H sử dụng nên phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông T17, ông Đ4 và chị Kim H. Do vậy, buộc bà D di dời các tài sản trên phần đất để giao trả cho bà H sử dụng đất tại tách 6,3m^2 thuộc thửa 42- 4; 1,9m^2 thuộc thửa 42- 5; 2,4m^2 thuộc thửa 41- 4; 25,4m^2 thuộc thửa 41- 5 và 19,9m^2 thuộc thửa 41- 6 và 5,5m^2 thuộc thửa 41- 7 là có căn cứ.

[2.2] Xét phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa chị Kim H và ông Nguyễn Văn Đ2 và Trường tiểu học T22 theo yêu cầu và chỉ ranh của chị Kim H có diện tích bằng 42,4m^2 thuộc thửa 48-1 (1030-2) và diện tích 37,0m^2 thuộc thửa 47-2 + 48-2 đã nêu ở phần 2.1) loại đất DGD. Có nguồn do cha của cụ Nguyễn Thị S2 là cụ cố Nguyễn Văn C, cụ cố Cứng đã hiến diện tích này (trong phần diện tích theo đo đạc thực tế 517m^2) vào năm 1965-1966 cho Trường tiểu học T22 để xây dựng trường, tuy không sử dụng hết diện tích nhưng qua 02 lần kê khai đăng ký sổ bộ địa chính đều do Trường tiểu học T22 thực hiện. Cụ S2 khi còn sống có khiếu nại yêu cầu đòi lại đất từ ông Đ2 là người chiếm đất sử dụng khoảng 143m^2 của Trường tiểu học T22. Khiếu nại của cụ S2 đã được Chủ tịch UBND huyện B (cũ), Chủ tịch UBND tỉnh V giải quyết không chấp nhận và đã có hiệu lực pháp luật (bút lục 490 đến 494). Thời điểm chị Kim H tranh chấp (khi hòa giải ở UBND xã T) và khi Tòa án cùng các cơ quan chuyên môn thực hiện thẩm định tại chỗ thì ông Đ2 còn mượn đất sử dụng, hiện nay ông Đ2 đã không còn sử dụng phần đất tranh chấp trên thực tế, trên đất không còn tài sản gì của ông Đ2. Do vậy việc chị Kim H yêu cầu Trường tiểu học T22 (hiện nay là Trường tiểu học T22) và ông Đ2 giao trả diện 42,4m^2 thuộc thửa 48-1 và diện tích 37,0m^2 *(có 36,0m^2 là đường đá hiện trạng)* thuộc thửa 47-2 + 48-2 là không có căn cứ.

[2.3] Xét phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa chị Kim H và bà Lê Thị Đ, ông Phạm Văn S có diện tích bằng 87,0m^2, trong đó có 81,6m^2 thuộc thửa 35 – 2 do bà Đ, ông S đứng tên; được cấp quyền sử dụng vào ngày 16/11/2011, có một phần nhà gạch của bà Đ và ông S đang quản lý sử dụng. Bà Đ xác định: Theo giấy tay nhận chuyển nhượng ngày 29/12/2000 thì tổng diện tích bà nhận chuyển nhượng của cụ S2 là 26,8m^2 *(7,5m x 2,5m + 3,5m x 2,3m*) (bút lục 108-108A), đã kê khai vào thửa đất số 35.

[2.4] Xét phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa chị Kim H và ông Lê Văn T1 có diện tích 154,1m^2 thuộc thửa 34 -2 (tổng diện tích 354,4m^2, có 200,3m^2 không tranh chấp), có căn nhà tạm và một phần nhà gạch, do ông T1 kê khai đăng ký theo

tư liệu Vlap. Đất tranh chấp có nguồn gốc do bà Đ, ông S tặng cho nhưng chưa tách quyền sử dụng, hiện nay giữa bà Đ, ông S không tranh chấp, đồng ý để ông T1 được sử dụng. Phía cụ S2, chị Kim H không có tranh chấp, kể cả khi xác định ranh tại thời điểm thực hiện đo đạc Vlap.

[2.5] Xét phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa chị Kim H và ôngTrần Văn D6, bà Nguyễn Thị Đ1 có diện tích 96,1m^2 thuộc thửa 33 -2, có một phần căn nhà của anh Lê Văn T9 (con ông D6, bà Đ1), do ông D6, bà Đ1 đứng tên được cấp quyền sử dụng ngày 29/01/2015. Diện tích qua đo đạc thực tế bằng 234,2m^2 (138,1m^2 + 96,1m^2) diện tích giảm 16,2m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 250,4m^2.

[2.6] Về phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa chị Kim H và bà Huỳnh Thị D4 có diện tích bằng 446,9m^2; có 401,9m^2 thuộc thửa 32-2 do bà D4 đứng tên đứng tên quyền sử dụng, có một phần nhà kiên cố và nhà tiền chế do bà D4 đang quản lý sử dụng. Bà D4 xác định đã nhận chuyển nhượng từ cụ S2 vào năm 1997 với diện tích khoảng 315m^2 (bút lục 149), khi đo đạc Vlap nhập vào thửa đất số 343 diện tích 380m^2 (315m^2 + 380m^2 = 695m^2) thành thửa đất 32 như hiện nay. Diện tích đo đạc thực tế bằng 594,5m^2 (401,9m^2 + 192,6m^2). Có 40,7m^2 thuộc thửa 37-5 thuộc quyền sử dụng do bà D đứng tên, đã được cấp quyền sử dụng.

[2.7] Về phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa chị Kim H và bà Phan Thị H1 có diện tích 68,7m^2 thuộc thửa 28-2, có một nhà mồ của người thân bà Phan Thị H1 (nhà mồ có nhiều mộ bên tông, đã được chôn cất và xây dựng khi cụ M1, cụ S2 còn sống), do bà Phan Thị H1 kê khai khi đo đạc V1, hiện vẫn do cụ Phan Thị M1 đứng tên quyền sử dụng.

[2.7.1] Xét việc chuyển quyền sử dụng đất giữa cụ S2 và bà D4, bà Đ tuy chưa tuân thủ về hình thức theo quy định của pháp luật nhưng việc chuyển nhượng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có đủ diều kiện chuyển nhượng. Sau khi chuyển nhượng cụ S2 đã giao đất để bà D4, bà Đ ông S sử dụng, cụ S2 đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng. Bà D4 đã xây dựng thêm nhà tiền chế, làm hàng rào lưới B40, lập mộ đá cho chồng là ông Trần Văn B trên đất, đã thực hiện kê khai đăng ký khi đo đạc VLap. Bà Đ đã xây dựng nhà sau, kê khai đăng ký được cấp quyền sử dụng trước khi chị Kim H nhận thừa kế quyền sử dụng đất thửa 1027, 1032 và 1033 từ cụ S2. Khi cụ S2 còn sống không tranh chấp việc chỉ ranh đo đạc Vlap của bà D4, ông T1, bà Phan Thị H1; khi xây dựng hàng rào, cất nhà, lập mộ và việc bà Đ, ông S; khi ông D6, bà Đ1 được cấp quyền sử dụng.

Do vậy yêu cầu của chị Kim H về việc kiện đòi bà Đ, ông S giao trả phần đất diện tích 81,6m^2 thuộc thửa 35-2; ông T1 giao trả 154,1m^2 thuộc thửa 34 -2; bà Đ1,

ông D6 giao trả 96,1m^2 thuộc thửa 33 -2; bà Phan Thị H1 giao trả 68,7m^2 thuộc thửa 28-2; bà D4 giao trả 401,9m^2 thuộc thửa 32-2 là không có căn cứ.

[2.7.2] Xét phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa bà Bà D7, chị Kim H và bà D có diện tích bằng 40,7m^2 thuộc thửa 37-5 thuộc quyền sử dụng của bà D, bà D đã được cấp quyền sử dụng nhưng theo chỉ ranh của chị Kim H, bà D7 và bà D khi đo đạc thực tế thì phần đất này hiện nay do bà D7 đang sử dụng. Giữa bà D7 và bà D chưa có tranh chấp, bà D đã vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý, mời làm việc ở các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Hội đồng xét xử không xem xét phần tài sản của bà D7 đã đầu tư, xây dựng trên đất; dành cho bà D7, bà D một vụ kiện khác (khi có yêu cầu).

[2.7.3] Xét phần đất tranh chấp giữa bà D7 và chị Kim H có 4,3m^2 thuộc thửa 29-2 bà D7 lấn chiếm và chỉ ranh trên thực tế thuộc quyền sử dụng của chị Kim H nên buộc bà D7 di dời hàng rào và tài sản trên đất để trả lại cho chị Kim H sử dụng là có căn cứ.

[2.7.4] Xét phần đất tranh chấp giữa bà Đ, ông S và chị Kim H có 2,2m^2 thuộc thửa 36-2 và 3,2m^2 thuộc thửa 36-3 do chị Kim H kê khai đăng ký theo tư liệu Vlap, bà Đ, ông S đã lấn chiếm và xây dựng nhà kiên cố trên thực tế (bút lục 400). Xét diện tích lấn chiếm này, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đã có tiến hành lập văn bản yêu cầu bà Đ, ông S tạm dừng xây dựng để chờ Tòa án giải quyết tranh chấp nhưng bà Đ, ông S vẫn tiếp tục xây dựng, lẽ ra buộc bà Đ, ông S phải tháo dỡ di dời phần vật kiến trúc đã xây dựng để trả lại đất nhưng xét thấy diện tích bà Đ, ông S sử dụng không nhiều, liền kề nhà mồ của người thân gia đình chị Kim H và ông S bà Đ khi lập mộ không có tranh chấp; trị giá đất không lớn. Để đảm bảo việc sử dụng ổn định, tránh gây thiệt hại lớn trên thực tế nên Hội đồng xét xử công nhận cho bà Đ, ông S được tiếp tục sử dụng. Đồng thời, buộc bà Đ, ông S có trách nhiệm bồi hoàn trị giá đất cho chị Kim H bằng 745.200đ *(138.000đ/m^2 x 5,4m^2)* là phù hợp.

[2.8] Xét phần đất tranh chấp theo chỉ ranh giữa chị Kim H và bà Đồng Thị N1, Đồng Hữu N, Đồng Hữu T2 và Đồng Ngọc H2 có diện tích bằng 499,6m^2.

[2.8.1] Xét trong diện tích 499,6m^2 có 207,9m^2 thuộc thửa 27-2; 33,1m^2 thuộc thửa 23-2; 101,8m^2 thuộc 19-2 hiện do bà N1, ông N, ông T2 và ông H2 đang sử dụng, trên đất một phần căn nhà của anh Đồng Văn Hôn E, chị Nguyễn Thị T14; một phần căn nhà của bà N1, ông N và một số cây trồng do bà N1, ông N, ông T2 và ông H2 trồng; đất do cụ Thiều Thị T20 đứng tên quyền sử dụng. Xét khi bà N1, ông N, ông T2, anh Hôn E trồng cây ăn trái, cất nhà sử dụng và chỉ ranh khi đo đạc Vlap thì cụ S2, chị Kim H thống nhất không tranh chấp các phần đất nêu trên, do vậy yêu cầu của chị Kim H đối với diện tích này là không có căn cứ.

[2.8.2] Xét diện tích thửa đất số 1023 của chị Kim H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bằng 1.450m^2 (giáp thửa đất 1022 cụ Thiều Thị T20 có diện tích bằng 3.320m^2). Thửa đất 1022 của cụ Thiều Thị T20 theo chỉ ranh bà N1, ông N, ông T2 và ông H2 đo đạc thực tế bằng 3.745,4m^2 là tăng 425,4m^2, trong đó có 156,8m^2 thuộc thửa 29-3 do chị Kim H kê khai đăng ký theo tư liệu Vlap, đây là phần đất trủng thấp, không có cây trồng hay tài sản trên đất. Do vậy, buộc là bà N1, ông N, ông T2 và ông H2 giao trả chị Kim H sử dụng là có căn cứ.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá: 33.636.000đ . Buộc chị Kim H phải chịu 05 phần (bằng 18.685.000đ), bà D phải chị 01 phần, bà Đ ông S phải chịu 01 phần, bà D7 phải chịu 01 phần; ông H2, bà N1, ông T2 và ông N phải chịu 02 phần (01 phần bằng 3.737.000đ). Do chị Kim H đã nộp tạm ứng xong nên buộc bà D, vợ chồng bà Đ ông S; bà D7 và các ông H2, bà N1, ông T2 và ông N hoàn trả chị Kim H số tiền trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Kim H phải nộp 1.200.000đ (phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận đối với Trường tiểu học T22 và ông Đ2; ông D6 bà Đ1; ông T1; bà Phan Thị H1); bà D; bà D7, ông H2, bà N1, ông T2 và ông N mỗi người phải nộp án phí là 300.000đ; ông S và Đ phải nộp 600.000đ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận một phần như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dung các điều 164, 175, 176, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 100, Điều 166 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dung Điều 26; điểm a, b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Kim H.

1.1. Công nhận phần đất có diện tích 6,3m^2 thuộc thửa 42- 4; 1,9m^2 thuộc thửa 42-5; 2,4m^2 thuộc thửa 41- 4 (đường đá hiện trạng) thuộc quyền sử dụng của ông

Trần Văn T17; 25,4m^2 thuộc thửa 41-5 thuộc quyền sử dụng của ông Cao Văn Đ4 và 19,9m^2 thuộc thửa 41-6 và 5,5m^2 thuộc thửa 41-7 thuộc quyền sử dụng của chị Cao Thị Kim H (đều là loại đất cây lâu năm).

Buộc bà Trần Thị Kim D di dời tài sản trên đất để giao trả phần đất có diện tích 6,3m^2 thuộc thửa 42- 4; 1,9m^2 thuộc thửa 42-5 cho ông Trần Văn T17; 25,4m^2 thuộc thửa 41-5 cho ông Cao Văn Đ4 và 19,9m^2 thuộc thửa 41-6 và 5,5m^2 thuộc thửa 41-7 cho chị Cao Thị Kim H sử dụng *(phần đất của ông Đ4, ông T17 đã nêu trên được giao lại chị Kim H tạm quản lí, sử dụng).*

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Kim H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ2 và Trường tiểu học T22 (hiện nay là Trường tiểu học T22) giao trả phần đất có 42,4m^2, loại đất DGD thuộc thửa 48-1 (1030-2) và diện tích 37,0m^2 thuộc thửa 47-2 + 48-2, loại đất DGD.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Kim H về việc yêu cầu bà Lê Thị Đ, ông Phạm Văn S giao trả phần đất diện tích 81,6m^2 loại đất CLN thuộc thửa 35-2; ông Lê Văn T1 giao trả 154,1m^2 loại đất CLN thuộc thửa 34 -2; bà Nguyễn Thị Đ1, ông Trần Văn D1 giao trả 96,1m^2 loại đất ONT + CLN thuộc thửa 33 -2; bà Phan Thị H1 giao trả 68,7m^2 loại đất ONT + CLN thuộc thửa 28-2; bà Huỳnh Thị D4 giao trả 401,9m^2 loại đất ONT + CLN thuộc thửa 32-2 và diện tích 40,7m^2 loại đất CLN thuộc 37 – 5; bà Đồng Thị N1, ông Đồng Hữu N, ông Đồng Hữu T2 và ông Đồng Ngọc H2 giao trả các phần đất có diện tích 207,9m^2 thuộc thửa 27-2 loại đất ONT + CLN, 33,1m^2 loại đất ONT + CLN thuộc thửa 23-2 và 101,8m^2 loại đất CLN thuộc 19-2; bà Trần Thị Kim D giao trả các phần đất có diện tích 120,9m^2 loại đất CLN thuộc thửa 49-2; 17,2m^2 loại đất CLN thuộc thửa 37-2, 14,2m^2 loại đất CLN thuộc thửa 37-3 và 13,6m^2 loại đất CLN thuộc thửa 37-4 và 139,8m^2 loại đất CLN thuộc thửa 37-6.

1.4. Công nhận cho bà Đ, ông S được quyền sử dụng phần đất có 2,2m^2 thuộc thửa 36-2 loại đất CLN và 3,2m^2 loại đất CLN thuộc thửa 36-3.

Buộc bà Đ, ông S hoàn trả trị giá đất (thuộc thửa 36-2 và thửa 36-3) cho chị Cao Thị Kim H là 745.200đ *(bảy trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng).*

1.5. Công nhận phần đất có diện tích bằng 4,3m^2 loại đất NTD thửa 29-2 thuộc quyền sử dụng của chị Kim H. Buộc bà Huỳnh Thị D4 di dời tài sản trên đất để giao trả chị Kim H sử dụng phần đất có 4,3m^2 loại đất NTD thuộc thửa 29-2.

1.6. Công nhận phần đất có diện tích bằng 156,8m^2 loại đất NTD thuộc thửa 29-3 thuộc quyền sử dụng của chị Kim H. Buộc bà N1, ông N, ông T2 và ông H2 giao trả chị Kim H phần đất có diện tích 156,8m^2 loại đất NTD thuộc thửa 29-3.

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký kê khai và điều chỉnh quyền sử dụng đất được công nhận tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Riêng đối phần đất của cụ Thiều Thị T20 (thửa 27-2, thửa 23-2 và thuộc 19-2) tiếp tục giao cho ông H2, bà N1, ông N và ông T2 sử dụng; phần đất của cụ Phan Thị M1 (thửa 28-2) tiếp tục giao cho bà Phan Thị H1 sử dụng. Phần đất của ông Trần Văn T17, ông Cao Văn Đ4 *(đã nêu ở tiểu mục 1.1 trong phần Quyết định)* tiếp tục giao cho chị Cao Thị Kim H sử dụng.

Các phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long *(Đính kèm Sơ đồ vị trí thửa đất phục vụ xét xử và Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 08/8/2023 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).*

3. Dành cho bà Huỳnh Thị D4, bà Trần Thị Kim D một vụ kiện khác đối với phần đất có diện tích bằng 40,7m^2 loại đất CLN thuộc 37-5 (khi có tranh chấp).

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá: 33.636.000đ *(chị Kim H đã nộp tạm ứng xong).*

4.1. Buộc chị Kim H phải chịu 18.685.000đ (đã nộp xong).

4.2. Bà Trần Thị Kim D và bà Huỳnh Thị D4 mỗi người phải nộp hoàn trả chị Kim H số tiền 3.737.000đ (*ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng).*

4.3. Buộc bà Lê Thị Đ, ông Phạm Văn S phải nộp hoàn trả chị Kim H số tiền 3.737.000đ (*ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng)*.

4.4. Buộc ông Đồng Ngọc H2, bà Đồng Thị N1, ông Đồng Hữu T2 và ông Đồng Hữu N mỗi người phải nộp 934.250đ *(chín trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng)* để hoàn trả chị Kim H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc chị Cao Thị Kim H phải nộp 1.200.000đ *(một triệu hai trăm nghìn đồng),* số tiền án phí chị Kim H phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0012000 ngày 24/11/2017; 300.000đ theo biên lai thu số 0000303 ngày 11/10/2023; chị Kim H còn phải nộp thêm số tiền 600.000đ *(sáu trăm nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

5.2. Buộc bà Trần Thị Kim D, bà Huỳnh Thị D4, ông Đồng Ngọc H2, bà Đồng Thị N1, ông Đồng Hữu T2 và ông Đồng Hữu N mỗi người phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

5.3. Buộc ông Phạm Văn S và bà Lê Thị Đ phải nộp 600.000đ *(sáu trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự hoặc người đại diện của đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- Các đương sự: 50;
-VKSND huyện Bình Tân;
- CCTHADS huyện Bình Tân;
- Lưu.